

Bản án số: 157/2023/DS-PT
Ngày: 05 - 4 - 2023
V/v Tranh chấp chia thừa kế
và chia tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các thẩm phán: Ông Trương Chí Anh

Ông Vũ Toàn Giang

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương - Thẩm tra
viên chính Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2022/TLPT- DS ngày
27/7/2022 về việc "Tranh chấp chia thừa kế và chia tài sản chung".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án
nhân dân huyện TT46, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2023/QĐ-PT ngày
07/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **TTA1**, sinh năm 1960; *Có mặt.*

HKTT và chỗ ở: Đội 4 ngõ 1 XC49, thôn HT50, xã HH51, huyện TT46,
thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A1: Luật sư **TTH2**, luật
sư **HPH3**, luật sư **TTKH4**, Công ty Luật TNHH ĐMHN5, Đoàn luật sư thành
phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 172A LLQ52, quận TH53, thành phố Hà Nội. *Luật sư
H2 vắng mặt; luật sư PH3 và luật sư H4 có mặt.*

Bị đơn: 1. Ông **TVM6**, sinh năm 1959; *Có mặt.*

2. Ông **TVT7**, sinh năm 1957; *Có mặt.*

3. Ông **TVV8**, sinh năm 1954;

Người giám hộ của ông TVV8: Bà **NTN9**, sinh năm 1956 (vợ ông
TVV8); *Có mặt.*

Cùng trú tại: Ngõ 13 Đội 1, xã TTO54, huyện TT46, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **TTL10**, sinh năm 1952; *Xin vắng mặt.*

Trú tại: Số nhà 8 ngách 1 ngõ 15A, Đội 1, xã TTO54, TT46, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L10: Luật sư TTH2, luật sư HPH3, luật sư TTKH4, Công ty Luật TNHH ĐMHN5, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 172A LLQ52, quận TH53, thành phố Hà Nội. Luật sư H2 vắng mặt; luật sư PH3 và luật sư H4 có mặt.

2. Bà NTN9, sinh năm 1956 (vợ ông TVV8); *Có mặt.*

3. Chị TTN11, sinh năm 1986 (con ông TVV8); *Xin vắng mặt.*

4. Chị TTH12, sinh năm 1992 (con ông TVV8); *Xin vắng mặt.*

5. Cháu NAN13, sinh năm 2010 (con chị TTN11)

6. Cháu NUT14, sinh năm 2011 (con chị TTN11)

7. Cháu NMC15, sinh năm 2014 (con chị TTN11);

Người đại diện hợp pháp của cháu N13, cháu T14, cháu C15: Chị TTN11, sinh năm 1986. Xin vắng mặt.

8. Cháu TTA16, sinh năm 2017 (con chị TTH12);

Người đại diện hợp pháp của cháu TA16: Chị TTH12, sinh năm 1992; Xin vắng mặt.

9. Bà NTM17, sinh năm 1958 (vợ ông TVT7); *Có mặt.*

10. Anh TVN18, sinh năm 1978 (con ông TVT7); *Xin vắng mặt.*

11. Chị ĐTBV19, sinh năm 1978 (vợ anh N18); *Xin vắng mặt.*

12. Cháu TVD20, sinh năm 2004 (con anh N18, chị V19)

13. Cháu TVH21, sinh năm 2009 (con anh N18, chị V19);

Người đại diện hợp pháp của cháu D20, cháu H21: Anh TVN18, sinh năm 1978 và chị ĐTBV19, sinh năm 1978; Đều xin vắng mặt.

14. Anh TVĐ22, sinh năm 1990 (con ông TVT7); *Xin vắng mặt.*

15. Chị NTN23, sinh năm 1990 (vợ anh Đ22); *Xin vắng mặt.*

16. Cháu TNH24, sinh năm 2012 (con anh Đ22, chị N23);

17. Cháu TTP25, sinh năm 2016 (con anh Đ22, chị N23);

18. Cháu TĐK26, sinh năm 2019 (con anh Đ22, chị N23);

Người đại diện hợp pháp của cháu H24, cháu P25, cháu K26: Anh TVĐ22, sinh năm 1990 và chị NTN23, sinh năm 1990. Đều xin vắng mặt.

19. Anh TVT27, sinh năm 1992 (con ông TVT7); *Xin vắng mặt.*

20. Chị NTTH28, sinh năm 1993 (vợ anh T27); *Xin vắng mặt.*

21. Cháu TNH29, sinh năm 2017 (con anh T27, chị H28);

22. Cháu TNQ30, sinh năm 2019 (con anh T27, chị H28);

Người đại diện hợp pháp của cháu H29, cháu Q30: Anh TVT27, sinh năm 1992 và chị NTTH28, sinh năm 1993; Đều xin vắng mặt.

23. Bà DKH31, sinh năm 1961 (vợ ông TVM6); *Có mặt.*

24. Ông NXT32, sinh năm 1967; *Xin vắng mặt.*

25. Bà TVS33, sinh năm 1978 (vợ ông NXT32); *Vắng mặt.*

26. Cháu NXB34, sinh năm 2018;

Người đại diện hợp pháp của cháu B34: Ông NXT32, sinh năm 1967 và

bà **TVS33**, sinh năm 1978; *Đều xin vắng mặt.*

27. Anh **TXĐ35**, sinh năm 1975; *Xin vắng mặt.*

28. Chị **TTV36**, sinh năm 1979 (vợ anh TXĐ35); *Xin vắng mặt.*

29. Cháu **TTTN37**, sinh năm 2001 (con anh Đ35, chị V36); *Xin vắng mặt.*

30. Cháu **TNH38**, sinh năm 2005 (con anh Đ35, chị V36);

31. Cháu **TTMA39**, sinh năm 2014 (con anh Đ35, chị V36);

32. Cháu **TQA40**, sinh năm 2018 (con anh Đ35, chị V36);

Người đại diện hợp pháp của cháu NH38, cháu MA39, cháu QA40: Anh TXĐ35, sinh năm 1975 và chị TTV36, sinh năm 1979; Anh Đ35 có mặt, chị V36 vắng mặt.

33. Ông **NNĐ41**, sinh năm 1969; *Xin vắng mặt.*

32. Bà **TNL42**, sinh năm 1974 (vợ ông NNĐ41); *Xin vắng mặt.*

33. Anh **NNTA43**, sinh năm 1995 (con ông Đ41, bà L42); *Xin vắng mặt.*

34. Chị **LTTT44**, sinh năm 1995 (con ông Đ41, bà L42); *Xin vắng mặt.*

35. Cháu **NPA45**, sinh năm 2007 (con ông Đ41, bà L42);

Người đại diện hợp pháp của cháu PA45: Ông NNĐ41, sinh năm 1969 và bà TNL42, sinh năm 1974. Xin vắng mặt.

Cùng trú tại: Ngõ 13 Đội 1, xã TTO54, huyện TT46, Hà Nội.

36. Ủy ban nhân dân huyện **TT46**, Hà Nội;

Địa chỉ: Thị trấn VD55, huyện TT46, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NTC47, Chủ tịch UBND huyện TT46.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NVC48 - chuyên viên phòng Tài nguyên môi trường (văn bản ủy quyền số 1694/GUQ-UBND ngày 18.08.2021). Vắng mặt.

Do có kháng cáo của bà TTA1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Bố mẹ bà là cụ TVS56 (tức T56) và cụ NTH57, sinh được 05 người con là: Bà TTL10, ông TVV8, ông TVT7, ông TVM6, bà TTA1. Ngoài ra, bố mẹ bà không có con đẻ, con riêng và con nuôi nào khác.

Sinh thời, 2 cụ có tạo lập được khối tài sản là: Nhà đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.354m² (theo hệ bản đồ năm 1986) tại Đội 1, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội, nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ bà nhận chuyển nhượng lại. Ngoài tài sản này ra, bố mẹ bà không còn tài sản nào khác. Năm 1985 bố bà là cụ T56 chết, không để lại di chúc. Sau khi bố bà chết

03 người con trai là ông TVT7, TVV8 và TVM6 quản lý sử dụng thửa đất số 62. Mẹ bà sinh sống cùng với gia đình ông TVM6. Đến năm 1994, khi nhà nước đo đạc bản đồ các anh em trai bà tự ý phân chia: ông TVM6 quản lý sử dụng 621m² đất, ông TVT7 quản lý sử dụng 344m² và ông TVV8 quản lý sử dụng 389m² đất. Việc phân chia này đã được chia tách tại hồ sơ địa chính của UBND xã TTO54 theo bản đồ lập năm 1994. Ông M6, ông T7, ông V8 quản lý sử dụng ổn định từ sau khi bố mẹ bà chết đến nay. Năm 1995 mẹ bà là cụ H57 chết và không để lại di chúc. Thời điểm cụ H57 chết trên đất có 05 gian nhà ngói gỗ cấp 4 do cụ S56 (tức T56) và cụ H57 xây dựng từ năm 1979 hiện nay ngôi nhà này do gia đình ông TVV8 đang quản lý sử dụng.

Năm 2005 ông TVM6 tổ chức họp gia đình để tự thỏa thuận phân chia đất cho các thành viên trong gia đình, tại buổi họp có mặt ông T7, ông M6, bà L10, bà A1, ông V8, bà NTN9 (vợ ông V8). Tại cuộc họp gia đình đó, các anh chị em không thống nhất được việc phân chia di sản của bố mẹ nên không lập biên bản. Sau đó, ông TVM6 tự lập ra 03 tờ biên bản tên “Biên bản họp gia đình” đề ngày 10/10/2005 có nội dung phân chia di sản nhà đất của cụ TVS56 (tức T56) và cụ NTH57 là bố mẹ các ông bà. Nội dung trong các biên bản này là ông M6 tự phân chia di sản của bố mẹ cụ thể: ông TVM6 quản lý sử dụng 621m² đất, ông TVT7 quản lý sử dụng 344m² và ông TVV8 quản lý sử dụng 389m² đất. Sau 1 thời gian sau, cháu TVN18 con trai lớn nhà ông T7 có cầm 03 tờ biên bản này sang nhà bà và bảo với bà là: chú M6 bảo cô ký. Bà có ký tên vào 03 tờ biên bản này. Lúc bà ký biên bản thì đã có chữ ký của bà TTL10 và bà NTN9 (vợ ông V8 ký thay do ông V8 bị ngô ngọng từ nhỏ không biết đọc, không biết viết). Ông TVT7 không ký do đất của ông T7 ít hơn đất của ông M6, ông V8 và ông T7 có đơn xuống UBND xã TTO54. Sau đó UBND xã TTO54 có mời ông T7 và ông M6 đến làm việc, sau đó như thế nào thì bà không biết.

Năm 2007 ông TVM6 được UBND huyện TT46 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 621m² mang tên ông TVM6 theo Quyết định số 1376 ngày 15/06/2007. Năm 2017 ông M6 bán đất cho 03 người là ông NNĐ41, anh TXĐ35 và ông NXT32, ông M6 tặng cho bà H31 40m² trong tổng số diện tích đất các anh chị em trong gia đình không ai đồng ý dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng.

Nay, bà khởi kiện vụ án yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của cụ TVS56 (tức T56) và cụ NTH57. Ngày 22/07/2021 bà đã làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TT46 cấp ngày 15/06/2007 tại Quyết định số 1376 cho ông TVM6 đối với thửa đất thửa đất số 31, tờ bản đồ 24, diện tích 621m² và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp theo biến động chuyển nhượng mà ông M6 đã chuyển nhượng cho ông Đ41, ông T32, anh Đ35, tặng cho đất bà DKH31. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu khởi kiện nào khác. Trường hợp được hưởng di sản bà

xin hưởng di sản bằng quyền sử dụng đất và đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bị đơn là ông TVT7, ông TVM6 và người giám hộ theo pháp luật của ông TVV8 là bà NTN9 thống nhất trình bày:

Các bị đơn xác nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ TVS56 (tức T56) và cụ NTH57 là đúng và xác nhận cụ T56, cụ H57 có 05 người con chung như lời khai của các đương sự, ngoài ra các cụ không còn con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Cụ S56 chết năm 1985 và cụ H57 chết năm 1995, cả hai cụ đều không để lại di chúc.

Các cụ có nhà đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.330 m² đất thổ cư và khoảng 100m² đất làm lối đi tại Đội 1, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Nguồn gốc tài sản này là của cụ S56 (tức T56) và cụ H57 mua của ông NVK58 (đã chết) năm 1960. Trên đất bố mẹ các ông bà có xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 75m² từ những năm 1970, hiện nay ngôi nhà này rất cũ, đã tu sửa nhiều lần. Ngoài nhà đất này ra bố mẹ các ông bà không còn tài sản gì khác.

Khi 2 cụ còn sống, 03 người con trai đã trưởng thành và lập gia đình nên 2 cụ đã phân chia thửa đất này cho 03 người con trai quản lý sử dụng từ năm 1983. Theo sự phân chia của bố mẹ: ông M6 quản lý sử dụng 621m², ông T7 quản lý sử dụng 344m² và ông V8 quản lý sử dụng 389m². Việc phân chia này đã được 2 cụ phân chia rõ ràng, vạch ranh giới, xây tường bao và 03 anh em trai T7, V8, M6 đã quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1983 đến nay. Bố mẹ các ông sinh sống cùng vợ chồng ông V8 vì ông V8 ngô ngọng từ nhỏ, không làm chủ được cuộc sống nên bố mẹ ông sống cùng để chăm sóc, ông M6 cung cấp tiền để nuôi các cụ. Đến năm 1985 cụ T56 chết, cụ H57 chuyển sang sinh sống cùng gia đình ông M6 cho đến năm 1995 cụ H57 chết.

Quá trình quản lý sử dụng đất 3 anh em các ông đóng thuế và thực hiện các nghĩa vụ về việc sử dụng đất đối với nhà nước. Năm 1993 khi thực hiện kê khai đo đạc lại bản đồ của UBND xã TTO54, 03 anh em các ông đã đứng tên kê khai đối với phần đất mà 3 ông đang quản lý sử dụng. Theo bản đồ năm 1994 thửa đất của bố mẹ các ông được chia tách thành 03 thửa là những thửa đất sau: Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 24 diện tích 621m² do ông M6 quản lý sử dụng; thửa đất số 32, tờ bản đồ số 24 diện tích 344m² do ông T7 quản lý sử dụng; thửa đất số 33, tờ bản đồ số 24 diện tích 389m² do ông TVV8 quản lý sử dụng. Phần ngõ đi thì vẫn giữ nguyên như lúc các cụ còn sống.

Sau khi mẹ các ông chết, ngày 10/10/2005 các anh chị em đã họp gia đình và ký các Biên bản họp gia đình. Các ông bà đã lập 03 Biên bản họp gia đình với nội dung phân chia đất của bố mẹ để lại. Theo nội dung các biên bản

này thì các anh chị em thỏa thuận ông M6 quản lý sử dụng 621m², ông T7 quản lý sử dụng 344m² và ông V8 quản lý sử dụng 389m². Tại các biên bản họp gia đình này có đủ chữ ký của bà A1, bà L10, ông M6, ông T7 (trong đó có 01 biên bản họp gia đình đề ngày 10/10/2005 có chữ “ phân định tài sản” ông T7 không ký do có nhiều biên bản cùng nội dung). Riêng ông V8 do ông V8 bị tâm thần từ nhỏ không biết đọc, không biết viết cũng không biết gì nên bà NTN9 là vợ ông V8 ký tên vào các biên bản. Từ năm 2005 đến nay ông V8 cũng không có bất kỳ ý kiến gì liên quan đến việc thỏa thuận phân chia di sản của bố mẹ các ông bà. Đối với ông TVV8: ông V8 bị tâm thần từ nhỏ, chậm phát triển tâm thần và thể chất. Ông V8 không đi học, không biết chữ, không biết viết, không nhận thức và không tham gia các mối quan hệ xã hội được. Năm 1985 do cha mẹ mai mối cho ông V8 kết hôn với bà NTN9. Từ năm 1985 bà N9 đều thay mặt ông V8 tham gia các mối quan hệ để đảm bảo cuộc sống và sinh hoạt bình thường. Đến năm 2008 gia đình mới đưa ông V8 đi khám và điều trị tâm thần ở bệnh viện Tâm thần trung ương. Từ tháng 05/2008 ông TVV8 được hưởng trợ cấp hàng tháng với lý do Tâm thần mạn tính. Năm 2018, ông TVV8 đã bị Tòa án nhân dân huyện TT46 tuyên bố mất năng lực hành vi. Ngày 28/01/2021 bà NTN9 đăng ký là người giám hộ của ông TVV8.

Căn cứ vào các Biên bản họp gia đình này, ông TVM6 đã đi kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất. Năm 2007 ông TVM6 được UBND huyện TT46 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 621m² mang tên ông TVM6. UBND xã đã tiến hành đầy đủ các thủ tục công khai việc cấp sổ đỏ cho ông M6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và không ai có ý kiến gì. Năm 2016 ông M6 bán đất cho 03 người là ông NNĐ41 182m²; anh TXĐ35 90,5m²; ông NXT32 52,3m² và tặng cho bà DKH31 (vợ ông M6) 40m². Còn lại diện tích ông M6 đang quản lý sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đối với phần diện tích đất do ông TVT7 quản lý sử dụng năm 2020 ông T7 đã cho ba con trai là anh TVN18; anh TVT27; anh TVĐ22 mỗi người 70m² để xây dựng nhà ở, hiện nay ba con ông T7 đã xây dựng nhà và sinh sống ổn định trên đất.

Đối với phần diện tích đất do ông TVV8 quản lý sử dụng ông M6 đã cải tạo sửa chữa ngôi nhà do cụ H57, cụ T56 xây dựng và xây dựng thêm 02 nhà cấp 04 để gia đình ông V8 lấy chỗ sinh sống.

Nay bà TTA1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế, quan điểm của các ông bà là: Thời điểm cụ S56 mất năm 1985 ba anh em các ông là ông T7, ông V8, ông M6 đã xây dựng nhà và ở ổn định. Đến năm 1994 cụ H57 đã phân định đất và vạch ranh giới cụ thể cho ông T7, ông V8, ông M6 và bót lại một phần ngõ đi chung. Phần đất gia đình ông T7, ông V8, ông M6 sử dụng

đã được ghi nhận trong bản đồ địa chính của xã TTO54 từ năm 1994. Năm 1995 cụ H57 mất, khi đó di sản của bố mẹ các ông đã phân chia xong từ năm 1994. Mặt khác, ngày 10/10/2005 anh em các ông đã ký Biên bản họp gia đình thống nhất lại nội dung phân chia nhà đất của bố mẹ để lại cho 03 người con trai của cụ T56 và cụ H57. Nay cụ T56, cụ H57 không còn di sản để chia thừa kế. Bà A1 khởi kiện vụ án yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cụ T56, cụ H57 đối với 03 anh em các ông và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông TVM6 và các đăng ký biến động đất mà ông M6 thực hiện, các ông đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà A1, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà TTL10 trình bày:

Bà L10 xác nhận lời trình bày của bà A1 về quan hệ huyết thống, về hàng thừa kế và di sản thừa kế. Bà xác nhận cụ T56 và cụ H57 có 05 người con chung như lời khai của các đương sự và không có vợ, có chồng nào khác, không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Về di sản thừa kế cụ T56, cụ H57 chỉ có di sản là nhà đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.354m² tại Đội 1, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Ngoài ra, hai cụ không còn di sản nào khác. Năm 1985 cụ T56 chết, năm 1995 cụ H57 chết, các cụ đều không để lại di chúc. Sau khi cụ T56, cụ H57 chết, 03 người con trai là TVV8, TVT7 và TVM6 tiếp tục quản lý sử dụng đất như khi còn sống bố mẹ bà đã cho sử dụng.

Khoảng tháng 10 năm 2005, ông TVM6 tổ chức họp gia đình để tự thỏa thuận phân chia đất cho các thành viên trong gia đình, trong buổi họp có mặt ông T7, ông M6, bà L10, bà A1, ông V8, bà NTN9 (vợ ông V8). Tại cuộc họp gia đình anh chị em không thống nhất được việc phân chia di sản của bố mẹ nên các ông bà không lập biên bản. Sau đó ông TVM6 tự lập ra 03 cái biên bản tên “Biên bản họp gia đình” có nội dung phân chia di sản nhà đất của cụ TVS56 (tức T56), sinh năm 1923 và cụ NTH57, sinh năm 1921 là bố mẹ các ông bà, nội dung trong các biên bản này có khác so với nội dung hôm anh em bà họp gia đình nhưng hai chị em bà vẫn ký vào các biên bản họp gia đình này.

Căn cứ vào các Biên bản họp gia đình này, năm 2007 ông TVM6 được UBND huyện TT46 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 621m² mang tên ông TVM6. Năm 2017 ông M6 bán đất cho 03 người, các anh chị em trong gia đình không ai đồng ý nên dẫn đến mâu thuẫn căng thẳng.

Nay bà TTA1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của cụ TVS56 (tức T56) và cụ NTH57, quan điểm của bà là mong muốn các anh em tự hòa giải và phân chia đất với nhau. Nếu không thể hòa giải được đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết. Trường hợp được phân chia di sản bà xin nhận di sản bằng quyền sử dụng đất.

+ Bà NTN9 trình bày:

Bà là vợ của ông TVV8. Năm 1985 bà kết hôn với ông TVV8 do gia đình mai mối. Từ khi kết hôn ông V8 đã là người không làm chủ được hành vi, ông không biết đọc, không biết viết. Ông V8 chỉ nói được những từ đơn giản, ông thể tự nói được ý kiến, quan điểm của mình. Mọi sinh hoạt trong cuộc sống hầu hết phụ thuộc vào bà. Mọi thủ tục pháp lý và giao dịch bà đều thay mặt ông V8 để làm. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đến năm 2008 gia đình bà mới đưa ông V8 đi khám và từ tháng 05/2008 ông V8 được nhận trợ cấp đối với người bị tâm thần. Đến năm 2017 gia đình bà mới đi làm thủ tục tuyên bố ông TVV8 bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự và năm 2021 bà mới đi làm thủ tục để bà là người giám hộ của ông V8.

Bố mẹ chồng bà là cụ TVS56 (tức T56) và cụ NTH57. Hai cụ S56 (tức T56) và H57 sinh được 05 người con là: bà TTL10, ông TVV8, ông TVT7, ông TVM6, bà TTA1. Ngoài ra, các cụ không có vợ, có chồng nào khác, không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Cụ S56 chết năm 1985 và cụ H57 mất chết năm 1995, cả hai cụ đều không để lại di chúc.

Từ khi cụ S56 còn sống, cụ S56 đã cho vợ chồng bà 05 gian nhà ngói và gia đình bà vẫn sinh sống ổn định từ đó cho đến nay.

Năm 1994, khi cụ H57 còn sống đã phân chia đất cho ba anh em là ông T7, ông M6, ông V8 và bớt lại một phần đất khoảng 150m² làm ngõ đi chung cho ba gia đình và ba hộ gia đình sử dụng ổn định và có ranh giới rõ ràng của ba nhà bằng tường bao.

Khoảng tháng 10 năm 2005 ông M6 tổ chức họp gia đình thống nhất thỏa thuận phân chia đất của các cụ như trước đây các cụ đã phân chia cho các con. Ông T7, ông M6, bà A1, bà L10, ông V8 và bà có mặt tại cuộc họp. Việc họp gia đình này có lập thành Biên bản họp gia đình. Biên bản họp gia đình này được lập thành rất nhiều bản, cụ thể mấy bản thì bà không nhớ nhưng trong tất cả các biên bản họp gia đình này bà đều thay mặt ông V8 ký tên vì ông V8 không biết đọc, không biết viết, thống nhất giữ nguyên hiện trạng như bố mẹ đã chia cho các con lúc ban đầu.

Nay bà TTA1 khởi kiện vụ án yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 621m² đã cấp cho ông M6 cùng các đăng ký biến động mà ông M6 đã thực hiện chuyển nhượng và tặng cho. Quan điểm của bà là: Di sản của bố mẹ chồng bà đã được phân chia hết cho 03 người con trai do đó di sản của bố mẹ bà đã phân chia xong từ năm 1994 được cụ thể trong Biên bản họp gia đình ngày 10/10/2005 đến nay cụ T56 và cụ H57 không còn di sản sản nào nữa. Bà A1 khởi kiện bà không đồng ý, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết.

+ Bà DKH31 trình bày:

Bà và ông TVM6 kết hôn năm 1986. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống trên đất của bố mẹ chồng cho từ đó cho đến nay. Bố mẹ chồng bà là cụ TVS56 (tức T56) và cụ NTH57 sinh được 05 người con là: bà TTL10, ông TVV8, ông TVT7, ông TVM6, bà TTA1. Ngoài ra, các cụ không có vợ, có chồng nào khác, không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Cụ S56 chết năm 1985 và cụ H57 mất chết năm 1995, cả hai cụ khi chết đều không để lại di chúc.

Bà được biết từ năm 1983 bố mẹ chồng bà là cụ S56 và cụ H57 đã cho chồng bà một thửa đất khoảng 621m² để chồng bà tự xây dựng nhà. Đến năm 1984 chồng bà bắt đầu xây dựng nhà và làm tường bao. Cụ S56 chết trước khi bà về làm dâu.

Đến năm 1986 bà về làm dâu và sinh sống tại ngôi nhà do ông M6 xây dựng. Bà không biết cụ thể việc các cụ cho ông M6 đất như thế nào. Từ khi bà về làm dâu thì bà đã thấy cụ S56 và cụ H57 chia đất cho ba con trai là ông T7, ông V8, ông M6 sử dụng. Vợ chồng bà sử dụng mảnh đất diện tích 621m² có tường bao ranh giới thửa đất, trên đất ông M6 đã xây dựng 01 nhà 02 tầng. Gia đình ông V8 sử dụng phần đất diện tích khoảng 389m², trên đất có 01 ngôi nhà ngói 05 gian. Gia đình ông T7 sử dụng phần đất khoảng 344m², trên đất có 01 nhà cấp 4. Khi đó cụ H57 sinh sống cùng gia đình ông V8.

Năm 1994, khi cụ H57 còn sống đã phân chia đất cho ba anh em là ông T7, ông M6, ông V8 và bớt lại một phần đất khoảng 100m² làm ngõ đi chung cho ba gia đình và ba hộ gia đình sử dụng ổn định và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước. Cùng năm 1994 Ban Địa chính xã TTO54 đã tiến hành đo đạc và trích lục bản đồ riêng cho ba gia đình ông T7, ông M6 và ông V8.

Ngày 10/10/2005 các con của cụ S56, cụ H57 gồm có ông T7, ông M6, bà L10, bà A1, ông V8 và bà NTN9 (vợ ông V8 thay mặt ông V8 do ông V8 bị hạn chế năng lực hành vi dân sự) tổ chức họp gia đình. Tại buổi họp gia đình ông T7, ông M6, bà L10, bà A1, bà N9 đều thống nhất giữ nguyên hiện trạng như bố mẹ đã chia cho các con lúc ban đầu và có lập thành biên bản. Bà không được tham gia cuộc họp gia đình nhưng vì sống chung nên bà có biết việc này.

Năm 2007 phần đất ông M6 được giao sử dụng được UBND huyện TT46 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 621m² mang tên ông TVM6. UBND xã đã tiến hành đầy đủ các thủ tục công khai việc cấp sổ đỏ cho ông M6 và không ai có ý kiến gì.

Năm 2016 ông M6 bán đất cho 03 người là ông NNĐ41 182m²; anh TXĐ35 90,5m²; ông NXT32 52,3m² và tặng cho riêng bà 40m². Năm 2016 bà được UBND huyện TT46 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 40m² mang tên bà là DKH31. Còn lại diện tích của ông M6 sử dụng là 256,2 m². Về công sức xây dựng: Kể từ khi kết hôn, bà và ông M6 cùng sửa chữa, tôn tạo ngôi nhà 05 gian do các cụ xây dựng 02 lần vào các năm 1996; 2010. Ông bà

xây dựng hai dãy nhà tạm mái tôn và 01 nhà 01 tầng cho gia đình ông V8 sử dụng và làm ngõ đi chung cho ba gia đình.

Năm 2016 vợ chồng bà cùng xây dựng ngôi nhà 03 tầng diện tích khoảng 130m² trên phần đất gia đình bà đang sử dụng như hiện nay.

Nay bà TTA1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 621m² đã cấp cho ông M6 cùng các đăng ký biến động mà ông M6 đã thực hiện chuyển nhượng và tặng cho, quan điểm của bà là cụ S56 và cụ H57 đã phân chia đất cho ba con trai và ba anh em ông M6, ông T7, ông V8 đã sử dụng ổn định nên không còn tài sản gì để chia thừa kế. Phần đất gia đình ông T7, ông V8, ông M6 sử dụng đã được ghi nhận trong bản đồ địa chính của xã TTO54 từ năm 1994. Bản thân bà là con dâu, tài sản này là của nhà chồng nên bà không có yêu cầu gì. Đối với phần diện tích đất 40m² mà ông M6 đã tặng cho bà, bà đã được UBND huyện TT46 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận mà UBND huyện TT46 cấp cho bà là hợp pháp nên không có cơ sở để hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà A1 và tiến hành phân chia theo quy định của pháp luật đề nghị Tòa án không bóc tách công sức của vợ chồng và con bà, chia chung công sức của bà và con vào phần được hưởng của ông M6, sau này gia đình bà sẽ tự phân chia với nhau, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết.

+ Bà NTM17 trình bày:

Bà kết hôn với ông TVT7 năm 1977. Sau khi kết hôn thì bà về chung sống với gia đình ông T7 tại Đội 1, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Bố chồng là cụ TVS56 (T56) và mẹ chồng là cụ NTH57, 2 cụ sinh được 05 người con là: Bà TTL10; ông TVV8, ông TVT7, ông TVM6, bà TTA1. Cụ S56 chết năm 1985 và cụ H57 mất chết năm 1995, cả hai cụ đều không để lại di chúc.

Khi bà về làm dâu, bố mẹ chồng bà có thừa đất hơn 700m² ở phía ngoài mặt đường. Đến năm 1978 bố mẹ chồng mua thêm 01 thửa đất tổng diện tích khoảng hơn 800m² liền sau luôn với thửa đất các cụ đang có. Tổng diện tích đất của bố mẹ chồng bà khoảng hơn 1500m² đất. Di sản thừa kế bố mẹ chồng bà để lại là: Nhà đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.354m² tại Đội 1, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Trên đất cụ H57, cụ S56 có xây dựng 1 ngôi nhà 05 gian nhà ngói gỗ cấp 4 từ năm 1979, hiện nay ngôi nhà này do gia đình ông TVV8 sử dụng. Ngoài ra trên đất cụ S56 và cụ H57 không xây dựng công trình gì khác.

Quá trình chung sống năm 1983, cụ S56 (tức T56) và cụ H57 có cho vợ chồng bà quản lý sử dụng khoảng 344m² trong tổng số diện tích đất của các cụ. Vợ chồng bà đã xây dựng ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng khoảng 60m², làm sân, bếp, xây chuồng nuôi lợn, gà ...để phục vụ cuộc sống. Việc bố mẹ chồng

bà cho đất sử dụng không có văn bản giấy tờ gì, ông bà chỉ sử dụng theo diện tích đất các cụ chỉ vị trí, kích thước sử dụng. Vợ chồng bà đã quản lý sử dụng diện tích đất này từ năm 1983 đến nay.

Năm 1990, vợ chồng bà phá dỡ ngôi nhà cấp 4 để xây dựng ngôi nhà 03 tầng kết cấu bê tông tường gạch, diện tích xây dựng khoảng hơn 95m².

Năm 2020 vợ chồng bà cùng với vợ chồng anh TVĐ22 xây dựng 04 tầng kiên cố, diện tích xây dựng khoảng 67m²/tầng và vợ chồng bà cùng với vợ chồng anh TVT27 xây dựng ngôi nhà 04 tầng, diện tích xây dựng 71m²/tầng.

Khi bố mẹ chồng bà còn sống, các cụ có nói là cho ông TVM6 phần diện tích gần 700m² ở phía ngoài, ông TVT7 phần diện tích 344m² và ông TVV8 phần diện tích 389m². Việc cho đất này bố mẹ chồng bà đã tiến hành phân chia và giao cho các ông con trai từ khi cụ S56 còn sống. Các ông TVM6, TVT7, TVV8 đã đi kê khai quyền sử dụng đất tại UBND xã TTO54 và đã được ban địa chính xã tiến hành đo đạc và trích lục bản đồ riêng cho ba hộ gia đình ông T7, ông M6, ông V8 từ năm 1994.

Năm 2005 ông TVM6 tổ chức họp gia đình để ghi nhận phần diện tích đất bố mẹ đã cho 03 ông con trai như bố mẹ đã phân chia và hiện trạng 03 con trai đang quản lý sử dụng, trong buổi họp có mặt ông T7, ông M6, bà L10, bà A1, bà NTN9 (vợ ông V8). Bản thân bà chỉ biết có cuộc họp gia đình, biết nội dung cuộc họp gia đình nhưng do bà là dâu nên không được tham gia. Bà L10, bà A1 có tham gia cuộc họp và ký vào giấy tờ họp gia đình. Khoảng năm 2007 ông M6 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được sử dụng.

Nay bà TTA1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 621m² đã cấp cho ông M6 cùng các đăng ký biến động mà ông M6 đã thực hiện chuyển nhượng và tặng cho. Bà có ý kiến toàn bộ diện tích đất khoảng gần 1.340m² đất ở TTO54, TT46, Hà Nội là của bố mẹ chồng bà, khi còn sống 2 cụ đã cho 03 người con trai là TVM6, TVT7, TVV8 quản lý sử dụng từ năm 1983, vợ chồng bà đã nhận đất và sinh sống ổn định, xây dựng các công trình kiên cố để sinh sống. Do vậy, toàn bộ diện tích đất của cụ S56 và cụ H57 đã được các cụ định đoạt hết trước khi chết, nên cụ S56 và cụ H57 không còn di sản gì để chia thừa kế. Đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu khởi kiện của bà TTA1. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà A1 và tiến hành phân chia theo quy định của pháp luật đề nghị Tòa án không bóc tách công sức của vợ chồng và các con bà, chia chung công sức của bà và các con vào phần được hưởng của ông TVT7, sau này gia đình bà sẽ tự phân chia với nhau. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết.

Chị TTN11 và chị TTH12 thống nhất trình bày: các chị là con gái của ông TVV8 và bà NTN9. Từ nhỏ các chị sinh ra và lớn lên cùng bố mẹ tại nhà đất

của ông bà nội để lại. Ông bà nội các chị là cụ TVS56 (T56) và là cụ NTH57. Bố các chị từ nhỏ đã bị vấn đề là tâm thần nên không nhận thức bình thường được. Năm 2018 ông V8 bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi và UBND xã TTO54 đã chỉ định mẹ các chị là bà NTN9 là người giám hộ cho bố các chị.

Hai chị được biết ông bà nội có nhà đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.354m² tại Đội 1, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Ông bà nội các chị có xây dựng trên đất có 05 gian nhà ngói gỗ cấp 4 xây dựng từ năm 1979, hiện nay ngôi nhà này do gia đình bố mẹ các chị đang quản lý sử dụng. Ngoài ra trên đất cụ S56 và cụ H57 không xây dựng công trình gì khác.

Các chị nghe nói ông bà các chị phân chia nhà đất của ông bà cho 03 người con trai của ông bà nội quản lý sử dụng, bản thân bố mẹ các chị được cho quản lý sử dụng phần diện tích 370m² đất và thực tế bố mẹ các chị đã quản lý sử dụng 370m² đất này từ năm 1983. Năm 1985 cụ TVS56 chết, năm 1995 cụ H57 chết. Cụ H57, cụ S56 chết đều không để lại di chúc.

Hiện nay trên phần diện tích đất bố mẹ các chị đang quản lý sử dụng chú các chị là ông TVM6 có xây dựng 02 dãy nhà trọ và 01 gian nhà bằng để bố mẹ các chị cho thuê lấy tiền sinh sống. Bản thân hai chị không đóng góp công sức hay xây dựng công trình gì trên đất của ông bà nội.

Nay bà TTA1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của ông bà nội các chị là cụ TVS56 và cụ NTH57. Các chị là phận con cháu nên không có ý kiến gì. Trường hợp không H62 giải được đề nghị tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết. Bản thân hai chị không có công sức gì trên di sản của ông bà nội để lại.

+ *Anh TVĐ22 và chị NTN23 thống nhất trình bày:* Anh Đ22 là con trai và chị N23 là con dâu của ông TVT7 và bà NTM17. Hiện nay vợ chồng anh chị đang sinh sống cùng bố mẹ là ông T7, bà Muốn tại Đội 1, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Toàn bộ diện tích đất bố mẹ anh đang quản lý sử dụng hiện nay có nguồn gốc của ông bà anh để lại. Ông bà nội anh là cụ TVS56 (tức T56) và là cụ NTH57. Ông bà nội anh có khoảng 1.500m² đất. Trong đó ông bà anh để lại khoảng 150m² làm ngõ đi chung, còn 1.350m² ông bà anh đã cho 03 người con trai là TVM6, TVT7 và TVV8 quản lý sử dụng từ khi các cụ còn sống. Năm 1985 cụ S56 chết, năm 1995 cụ H57 chết. Các cụ chết không để lại di chúc. Khi còn sống các cụ đã phân chia cho ông M6 quản lý sử dụng 621m², ông T7 344m², ông V8 389m². Các ông đã đi làm thủ tục chia tách thửa và quản lý sử dụng ổn định từ những năm 1993 đến nay. Khoảng tháng 10 năm 2005 các con của cụ S56, cụ H57 gồm ông M6, ông T7, ông V8, bà L10, bà A1 (trong đó ông V8 bị nhược điểm về tinh thần nên ông V8 có mặt nhưng không biết viết, biết ký nên bà N9 vợ ông V8 có mặt viết thay, ký thay) có họp gia đình và lập biên bản họp phân chia toàn bộ diện tích đất của các cụ để lại. Biên bản có đầy đủ chữ ký của ông M6, ông T7, bà N9, bà L10, bà A1, theo nội dung biên bản

ông M6 quản lý sử dụng 621m², ông T7 quản lý sử dụng 344m², ông V8 quản lý sử dụng 389m², theo đúng hiện trạng các cụ đã chia cho 03 người con trai trước kia. Ông T7 và ông V8 không có ý kiến gì.

Sau đó ông T7 và bà Muôn phân chia phần đất được quản lý sử dụng cho các con ông T7, bà Muôn xây nhà để ở. Bố mẹ anh đã phân chia cho vợ chồng anh phần diện tích 67.6m² để sinh sống. Trên phần diện tích đất này vợ chồng anh cùng với bố mẹ anh xây dựng 1 nhà 05 tầng, kết cấu bê tông, tường xây gạch. Khởi công xây dựng từ năm 2020 đến nay vẫn trong quá trình hoàn thiện nhà.

Nay, bà TTA1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của ông bà nội anh là cụ TVS56 và cụ NTH57 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 621m² đã cấp cho ông TVM6, anh chị có ý kiến: Đối với toàn bộ diện tích đất của ông bà anh đã được định đoạt hết, nay ông bà anh không còn di sản nào khác. Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M6 là cấp dựa trên văn bản phân chia đất của các con cụ S56 cụ H57 được thực hiện theo quy định của pháp luật. Do vậy, anh chị không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tiến hành chia tài sản chung và chia thừa kế theo quy định của pháp luật thì đề nghị Tòa án không bóc tách công sức của vợ chồng anh riêng biệt mà chia chung cùng với phần của bố mẹ anh được chia hưởng, sau này gia đình anh chị sẽ tự phân chia với nhau. Đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

+ Anh TVN18 và chị DTBV19 thống nhất trình bày trình bày: Vợ chồng anh là con của ông TVT7 và bà NTM17. Hiện nay vợ chồng anh đang sinh sống cùng bố mẹ. Ông bà nội anh là cụ TVS56 (tức T56) và cụ NTH57 có khoảng 1.500m² đất. Trong đó ông bà anh để lại khoảng 150m² làm ngõ đi chung, còn 1.350m² ông bà anh đã cho 03 người con trai là TVM6 quản lý sử dụng 621m², TVT7 quản lý sử dụng diện tích 344m² và TVV8 quản lý sử dụng diện tích 389m² từ khi các cụ còn sống. Năm 1985 cụ S56 chết, năm 1995 cụ H57 chết. Các cụ chết không để lại di chúc. Ông M6, ông T7 và bà N9 vợ ông V8 đã đi làm thủ tục chia tách thừa và quản lý sử dụng ổn định đến nay.

Khoảng tháng 10 năm 2005 các con của cụ S56, cụ H57 gồm ông M6, ông T7, ông V8, bà L10, bà A1 có họp gia đình và lập biên bản họp phân chia toàn bộ diện tích đất của các cụ để lại. Biên bản họp gia đình được ông M6 hoàn thiện lại theo nội dung mà cả gia đình đã thống nhất. Sau khi họp gia đình anh N18 là người cầm các biên bản họp gia đình đưa cho bà A1, bà L10, bà N9 ký. Bà A1, bà L10 ký các biên bản họp gia đình trước mặt anh N18, sau đó anh N18 cầm biên bản họp gia đình về đưa cho ông M6. Ông T7 là người ký sau cùng vào các biên bản họp gia đình. Theo nội dung các biên bản họp gia đình đề ngày 10/10/2005 thì gia đình các cô chú bác anh đã thỏa thuận ông M6 quản lý

sử dụng 621m², ông T7 quản lý sử dụng 344m², ông V8 quản lý sử dụng 389m². Gia đình anh sử dụng ổn định toàn bộ diện tích đất được các cụ chia từ trước đến nay, không ai có ý kiến gì. Sau đó ông T7 và bà Muôn phân chia phần đất được quản lý sử dụng cho các con ông T7, bà Muôn xây nhà để ở. Bố mẹ anh đã phân chia cho vợ chồng anh phần diện tích 51.0m² để sinh sống. Trên phần diện tích đất này vợ chồng anh cùng với bố mẹ anh xây dựng 1 nhà mái tạm, khung thép hộp, gá tường, mái lợp tôn, diện tích 51.0m² để sinh sống.

Nay bà TTA1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của ông bà nội anh là cụ TVS56 và cụ NTH57 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 621m² đã cấp cho ông TVM6, anh chị có ý kiến: Đối với toàn bộ diện tích đất của ông bà nội anh đã được định đoạt hết, nay ông bà anh không còn di sản nào khác. Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M6 là cấp dựa trên văn bản phân chia đất của các con cụ S56 cụ H57 được thực hiện theo quy định của pháp luật. Do vậy, anh chị không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, đề nghị Tòa án phân chia tài sản của cả gia đình anh chung với nhau, không bóc tách công sức riêng của vợ chồng anh, gia đình anh sau này sẽ tự phân chia với nhau. Đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

+ Anh TVT27 và chị NTTH28 trình bày: vợ chồng anh chị đang chung sống cùng ông TVT7 và bà NTM17 tại Đội 1, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Khoảng tháng 10 năm 2005 anh được biết ông M6 có tổ chức cuộc họp gia đình và làm các biên bản thỏa thuận phân chia đất của cụ T56 và cụ H57. Các con cụ T56 cụ H57 đã thống nhất thỏa thuận phân chia di sản của các cụ như trước kia các cụ đã phân chia cho 03 người con trai. Gia đình anh sử dụng ổn định toàn bộ diện tích đất được các cụ chia từ trước đến nay, không ai có ý kiến gì. Quá trình sử dụng đất, do anh em trưởng thành nên bố mẹ anh chia tách phần đất cho các anh em xây dựng nhà để ở. Bố mẹ anh đã phân chia cho vợ chồng anh phần diện tích 71.0m² để sinh sống. Trên phần diện tích đất này vợ chồng anh cùng với bố mẹ anh xây dựng 01 nhà 4 tầng kết cấu bê tông, diện tích 71.0m² để sinh sống. Ngôi nhà này gia đình anh chị xây dựng năm 2020. Cả gia đình anh sinh sống ổn định, xây dựng các công trình kiên cố để sinh sống và không có ai có ý kiến gì.

Nay bà TTA1 khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của ông bà nội anh là cụ TVS56 và cụ NTH57 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 621m² đã cấp cho ông TVM6, chúng tôi có ý kiến: Đối với toàn bộ diện tích đất của ông bà nội anh đã được định đoạt hết, nay ông bà anh không còn di sản nào khác. Do vậy, anh chị không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận đề nghị Tòa án phân chia tài sản của cả gia đình

anh chung với nhau, không bóc tách công sức riêng của vợ chồng anh, gia đình anh sau này sẽ tự phân chia với nhau. Đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

+ Anh TXĐ35, chị TTV36, cháu TTTN37 trình bày:

Ngày 31/10/2016 tại phòng công chứng CCH59, thành phố Hà Nội, vợ chồng anh có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông TVM6 và bà DKH31 diện tích 90.5m² nằm trong thửa đất số 31 tờ bản đồ số 24 tại Thôn TTO54, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Vợ chồng anh chị đã giao đủ tiền nhận chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông M6 bà H31 và vợ chồng ông M6 bà H31 cũng đã bàn giao đủ diện tích đất chuyển nhượng cho vợ chồng anh sử dụng từ năm 2016. Sau khi nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của vợ chồng ông M6, bà H31, vợ chồng anh chị đã đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngày 09/11/2016 vợ chồng anh đã được Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất vợ chồng anh nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông M6, bà H31 được xác định là thửa đất số 31-2, tờ bản đồ 24, diện tích 90.5m², mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, sử dụng riêng, địa chỉ tại thôn TTO54, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Vợ chồng anh chị quản lý sử dụng ổn định diện tích đất này từ năm 2016 đến nay không có bất kỳ tranh chấp gì với ai và cũng không có bất kỳ ai có ý kiến gì. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng anh đã xây dựng ngôi nhà 05 tầng, xây hết đất để sinh sống.

Nay bà TTA1 khởi kiện vụ án về chia tài sản chung và chia thừa kế đối với ông TVM6, TVT7, TVV8 và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 31 tờ bản đồ số 24 diện tích 621m² cấp lần đầu cho ông TVM6, anh đề nghị Tòa án không đưa phần diện tích 90.5m² mà ông M6, bà H31 đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh vào là di sản của cụ TVS56 và cụ NTH57 để phân chia tài sản chung của hai cụ cũng như chia thừa kế vì phần diện tích này đã được vợ chồng ông M6, bà H31 chuyển nhượng cho vợ chồng anh chị và anh chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh chị cũng không yêu cầu Tòa án xem xét việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh và vợ chồng ông M6, bà H31. Trường hợp Tòa án phân chia di sản của gia đình nhà ông M6 thì ông M6 phải có trách nhiệm với các anh em nhà ông M6. Đối với những vấn đề khác đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết vụ án.

Cháu TTTN37 là con của anh TXĐ35 và chị TTV36 trình bày: Hiện nay cháu đang sống cùng bố mẹ cháu tại Đội 1, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Nhà đất này là của bố mẹ cháu nhận chuyển nhượng của ông TVM6 và bà DKH31. Sau khi nhận chuyển nhượng bố mẹ cháu đã xây dựng ngôi nhà 05 tầng như hiện trạng bây giờ để ở. Do cháu còn nhỏ chưa có tài sản gì nên không

đóng góp công sức gì đối với tài sản này của bố mẹ cháu. Toàn bộ tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất như hiện nay là của bố mẹ cháu, cháu không đóng góp gì. Nay bà TTA1 khởi kiện vụ án có liên quan đến phần diện tích đất của bố mẹ cháu nhận chuyển nhượng. Đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết vụ án.

+ Ông NND41, bà TNL42 trình bày: vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông TVM6 và bà DKH31 diện tích 182m² nằm trong thửa đất số 31 tờ bản đồ số 24 tại Thôn TTO54, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội theo hợp đồng chuyển nhượng số công chứng 00708.16 quyển số 01 Tại Văn phòng công chứng CCH59, thành phố Hà Nội. Vợ chồng ông đã giao đủ tiền nhận chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông M6, bà H31 và vợ chồng ông M6 bà H31 cũng đã bàn giao đủ diện tích đất chuyển nhượng cho vợ chồng ông sử dụng từ năm 2016. Trên diện tích đất chuyển nhượng có 01 ngôi nhà 02 tầng xây bê tông K58 cổ cũng thuộc tài sản chuyển nhượng, hiện nay vợ chồng ông bà đang sinh sống tại nhà đất này. Sau khi nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của vợ chồng ông M6, bà H31, vợ chồng ông bà đã đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngày 09/11/2016 vợ chồng ông đã được Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông M6, bà H31 được xác định là thửa đất số 31-1, tờ bản đồ 24, diện tích 182m², mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, sử dụng riêng, địa chỉ tại thôn TTO54, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông bà đã sửa chữa cải tạo ngôi nhà 02 tầng đã có trước khi ông bà nhận chuyển nhượng để sinh sống. Vợ chồng ông quản lý sử dụng ổn định diện tích đất này từ năm 2016 đến nay không có bất kỳ tranh chấp gì với ai và cũng không có bất kỳ ai có ý kiến gì.

Nay bà TTA1 khởi kiện vụ án chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của cụ TVS56 và cụ NTH57 là thửa đất số 62 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.354m² tại Đội 1, TTO54, TT46, Hà Nội và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất thửa đất số 31, tờ bản đồ 24 diện tích 621m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông TVM6 trong đó có phần diện tích đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông sau này được tách là thửa đất số 31-1, tờ bản đồ 24, ông bà có ý kiến như sau:

Thửa đất mà vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông M6, bà H31 nằm trong phần diện tích đất mà hiện nay bà TTA1 đang kiện chia tài sản chung và chia thừa kế. Khi ông bà nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông M6, bà H31 thì vợ chồng ông M6 bà H31 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 621m². Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông M6, bà H31 được thực hiện tại

Phòng công chứng CCH59 và vợ chồng ông cũng đã được Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông M6, bà H31 là hợp pháp và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ghi nhận. Do vậy, diện tích đất 182m² mà vợ chồng anh nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông M6, bà H31 thuộc sở hữu của vợ chồng ông.

Nay bà A1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 621m² trong đó có 182m² hiện đang đứng tên vợ chồng ông, ông bà không chấp nhận yêu cầu này của bà A1. Việc ông bà đứng tên diện tích 182m² là hợp pháp. Đề nghị Tòa án không đưa phần diện tích 182m² mà ông M6, bà H31 đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông vào là di sản của cụ TVS56 và cụ NTH57 để phân chia tài sản chung của hai cụ cũng như chia thừa kế vì phần diện tích này đã được vợ chồng ông M6, bà H31 chuyển nhượng cho vợ chồng ông và ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông bà cũng không yêu cầu Tòa án xem xét việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông M6, bà H31. Việc phân chia di sản của bố mẹ bà A1, ông M6 không liên quan đến vợ chồng ông. Trường hợp Tòa án phân chia di sản của gia đình nhà ông M6 thì ông M6 phải có trách nhiệm với các anh em nhà ông M6. Đối với những vấn đề khác đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết vụ án.

+ *Anh NNTA43 và chị LTTT44 trình bày:* Anh chị kết hôn ngày 20/3/2021. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng vợ chồng ông Đ41 và bà L42. Nhà đất là của ông Đ41 và bà L42 mua của vợ chồng ông M6 bà H31 năm 2016. Ông Đ41 và bà L42 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 182m². Trên tài sản này, vợ chồng anh chị không đóng góp công sức gì. Nay gia đình bà A1, ông M6 phát sinh tranh chấp về di sản của cha ông để lại. Đây là việc của gia đình bà A1, ông M6 không liên quan đến gia đình anh, đề nghị tòa án căn cứ vào pháp luật giải quyết vụ án.

+ *Ông NXT32 trình bày:* ông có ký hợp đồng nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông TVM6 và bà DKH31 diện tích 52.3m² với giá 500 triệu đồng nằm trong thửa đất số 31 tờ bản đồ số 24 tại Thôn TTO54, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng ông đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông M6, bà H31. Vợ chồng ông M6 bà H31 cũng đã bàn giao đủ diện tích đất chuyển nhượng cho vợ chồng ông sử dụng từ năm 2016. Sau khi nhận chuyển nhượng 1 phần diện tích đất của vợ chồng ông M6, bà H31, vợ chồng ông đã đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Ngày 09/11/2016 vợ chồng ông đã được Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông M6, bà H31 được xác định là thửa đất số 31-3, tờ bản đồ 24, diện tích 52.3m²,

mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, sử dụng riêng, địa chỉ tại thôn TTO54, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội. Ông quản lý sử dụng ổn định diện tích đất này từ năm 2016 đến nay không có bất kỳ tranh chấp gì với ai và cũng không có bất kỳ ai có ý kiến gì. Trên đất ông đã xây dựng ngôi nhà 07 tầng, xây hết đất để sinh sống.

Nay bà TTA1 khởi kiện vụ án về chia tài sản chung và chia thừa kế đối với ông TVM6, TVT7, TVV8 là việc của gia đình bà A1 và các anh em. Đề nghị Tòa án không đưa phần diện tích 52.3m² mà ông M6, bà H31 đã chuyển nhượng cho ông vào là di sản của cụ TVS56 và cụ NTH57 để phân chia tài sản chung của hai cụ cũng như chia thừa kế vì phần diện tích này đã được vợ chồng ông M6, bà H31 chuyển nhượng cho vợ chồng ông. Bà TTA1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 621m² thửa đất số 31, tờ bản đồ 24 cấp lần đầu cho ông TVM6 trong đó có diện tích 52.3m² vợ chồng ông đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông TVM6 và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông M6 và vợ chồng ông là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và vợ chồng ông cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông bà đã xây dựng nhà để sinh sống ổn định trên đất. Do vậy, ông không chấp nhận việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông bà, việc của gia đình bà A1, ông M6 các ông bà tự giải quyết với nhau, ông cũng không yêu cầu Tòa án xem xét việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông M6, bà H31. Trường hợp Tòa án phân chia di sản của gia đình nhà ông M6 thì ông M6 phải có trách nhiệm với các anh em nhà ông M6. Đối với những vấn đề khác đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết vụ án.

+ Bà TVS33: Bà S33 hiện đang có hộ khẩu thường trú và cư trú cùng với ông NXT32 tại ngõ 13 đội 1, xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa làm việc. Tòa án đã phối hợp với UBND xã TTO54 đến nơi cư trú của bà TVS33 để lấy lời khai nhưng bà TVS33 vắng nhà nên không có lời khai về việc giải quyết vụ án.

+ UBND huyện TT46 trình bày quan điểm:

Theo bản đồ năm 1986 và Sổ địa chính lập năm 1994 (theo Chỉ thị 299/TTg): thuộc một phần thửa đất số 62, tờ bản đồ số 02, diện tích 1330m²; Sổ địa chính thể hiện chủ sử dụng đất: TVT56, nguồn gốc thửa đất: mua năm 1960 của ông K58, loại đất: thổ cư, mục đích sử dụng: đất ở.

Theo hệ bản đồ năm 1994: Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 24, diện tích 621m², mục đích sử dụng đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài đã được UBND huyện TT46 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông TVM6 tại Quyết định số 1376 ngày 15/6/2007. Thửa đất trên đã đăng ký biến động.

Thực hiện Quyết định số 23/2005/QĐ-UB ngày 18/02/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất ở địa bàn Thành phố Hà Nội. UBND xã TTO54 tổ chức cho các hộ gia đình, cá nhân viết đơn đăng ký quyền sử dụng đất, trong đó có đơn của ông TVM6 đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 24, diện tích 621m², hệ bản đồ năm 1994. Tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông TVM6, Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất đai xã TTO54 xác nhận về hiện trạng sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp khiếu nại về đất đai, không nằm trong quy hoạch, đủ điều kiện để xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã TTO54 tổ chức xét duyệt, kê khai và công khai danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã trong thời gian mười lăm (15) ngày, UBND xã không tiếp nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện gì về việc ông TVM6 kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. UBND xã đã hoàn thiện hồ sơ kê khai cấp Giấy CNQSD đất của ông TVM6, ngày 16/5/2007 có Tờ trình số 24/TTr-UB gửi UBND huyện TT46 đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 09 trường hợp đủ điều kiện.

Ngày 15/6/2007, UBND huyện TT46 đã ký Quyết định số 1376/QĐ-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 09 trường hợp sử dụng đất tại xã TTO54 trong đó có thửa đất số 31, tờ bản đồ số 24, diện tích 621m² của ông TVM6.

Ngày 31/10/2016, ông TVM6 và vợ là bà DKH31 chuyển nhượng diện tích 182m² của thửa đất trên cho ông NNĐ41 và bà TNL42 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng CCH59 chứng nhận tại số công chứng 00708.16. Ông NNĐ41 và bà TNL42 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 579473 ngày 09/11/2016.

Ngày 31/10/2016, ông TVM6 và vợ là bà DKH31 chuyển nhượng diện tích 90,5m² của thửa đất trên cho ông TXĐ35 và bà TTV36 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng CCH59 chứng nhận tại số công chứng 00707.16. Ông TXĐ35 và bà TTV36 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 579472 ngày 09/11/2016.

Ngày 31/10/2016, ông TVM6 và vợ là bà DKH31 chuyển nhượng diện tích 52,3m² của thửa đất trên cho ông NXT32 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng CCH59 chứng nhận tại số công chứng 00706.16. Ông NXT32 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 579471 ngày 09/11/2016.

Ngày 31/10/2016, ông TVM6 tặng cho diện tích 40m² của thửa đất trên cho bà DKH31 theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng CCH59 chứng nhận tại số công chứng 00709.16. Bà DKH31 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 579474 ngày 09/11/2016.

Diện tích còn lại của thửa đất số 31, tờ bản đồ số 34 là 256,2m² đất ở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 579475 ngày 09/11/2016 cho ông TVM6 và bà DKH31.

Việc cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 24, diện tích 621m², loại đất ở tại xã TTO54, huyện TT46, thành phố Hà Nội cho ông TVM6 đã được UBND huyện TT46 cấp GCNQSD đất theo hướng dẫn tại Quyết định số 23/2005/QĐ-UB ngày 18/02/2005 của UBND thành phố Hà Nội. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT46 giải quyết vụ việc theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT46, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TTA1 về Chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật di sản của Cụ TVT56 (S56) và cụ NTH57 đối với ông TVM6, TVV8, TVT7.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TT46 cấp ngày 15/06/2007 tại quyết định số 1376 cho ông TVM6 đối với thửa đất thửa đất số 31 tờ bản đồ 24 diện tích 621m² và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp theo biến động chuyển nhượng mà ông M6 đã chuyển nhượng cho anh Đ41, anh T32, anh Đ35; tặng cho đất bà DKH31.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thi hành án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn là bà TTA1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân TT46, thành phố Hà Nội với nội dung kháng cáo, bà A1 không đồng ý với bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án chuyển toàn bộ hồ sơ lên Tòa án cấp phúc thẩm để xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà TTA1 vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, tuy nhiên có đề nghị tự nguyện hỗ trợ cho bà TTA1 số tiền 500.000.000đ và ông TVM6 sẽ là người đại diện thanh toán cho bà A1 số tiền này trong thời gian gần nhất.

Bà A1 đồng ý với đề nghị trên của phía bị đơn và có đề nghị phía bị đơn xây dựng tu sửa, cải tạo nhà thờ trên phần đất nhà ông V8, bà N9, đến ngày giỗ Tết phải tạo điều kiện không cản trở việc bà và bà L10 sang thắp hương, cúng lễ tổ tiên, bố mẹ.

Phía bị đơn nhất trí với đề nghị của bà A1.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS về việc xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT46, thành phố Hà Nội theo hướng ghi nhận thêm sự tự nguyện của phía bị đơn hỗ trợ cho bà A1 số tiền 500.000.000đ. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm vẫn giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà TTA1 nộp trong hạn luật định, về hình thức là hợp lệ.

Một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] *Về hàng thừa kế:* Cụ TVS56 (tức T56) và cụ NTH57 kết hôn, chung sống với nhau và sinh được 05 người con chung bà TTL10; ông TVV8, ông TVT7; ông TVM6; bà TTA1. Ngoài 05 người con chung này ra các cụ không còn con riêng, con nuôi nào khác, không có vợ khác, chồng khác. Do vậy xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ TVT56 (S56) và cụ NTH57 gồm bà TTL10; ông TVV8, ông TVT7; ông TVM6; bà TTA1.

[2.2] *Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế:* Theo lời khai của đương sự và xác nhận của UBND xã TTO54, cụ TVT56 (S56) chết ngày 14/03/1985 và cụ NTH57 chết ngày 10/08/1995. Đây là thời điểm mở thừa kế đối với di sản của cụ TVT56 và cụ NTH57 để lại. Thời điểm hiện tại trên đất còn 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng của các cụ để lại. Trường hợp thời

điểm mở thừa kế trước ngày 01/07/1991 và di sản thừa kế là nhà ở thì không tính thời gian từ ngày 01/07/1996 đến hết ngày 01/01/1999 (30 tháng) theo khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 58/1998/NQ-UBNTVQH10. Căn cứ Điều 623 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 58/1998/NQ-UBNTVQH10 thời hiệu chia thừa kế đối với thừa kế trong trường hợp này được tính từ ngày 10/09/1990 đến hết ngày 10/03/2023 nên yêu cầu của bà TTA1 chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật của cụ TVT56 (S56) và cụ NTH57 để lại trong thời hiệu chia thừa kế.

[2.3] Về di sản thừa kế:

Cụ TVT56 (S56) và cụ NTH57 có tạo lập được 01 khối tài sản là theo bản đồ năm 1986 (theo Chỉ thị 299/TTg): thuộc một phần thửa đất số 62, tờ bản đồ số 02, diện tích 1330m²; Sổ địa chính thể hiện chủ sử dụng đất: TVT56, nguồn gốc thửa đất: mua năm 1960 của ông K58, loại đất: thổ cư, mục đích sử dụng: đất ở. Theo bản đồ đo vẽ năm 1994: thửa đất số 62 tờ bản đồ số 02 tách ra thành 03 thửa đất: Thửa đất số 31 tờ bản đồ số 24 diện tích 621m² đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên TVM6; Thửa đất số 32 tờ bản đồ số 24 diện tích 344m², chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thửa đất số 33 tờ bản đồ số 24 diện tích 389m² chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất hiện tại còn có 01 ngôi nhà ngói 05 gian cấp 4 diện tích xây dựng 75m², ngôi nhà này mặc dù đã được ông M6 sửa lại 02 lần nhưng vẫn là tài sản do cụ T56 và cụ S56 tạo lập và xây dựng.

Các đương sự đều xác nhận, bà L10 đi lấy chồng từ năm 1972, bà A1 đi lấy chồng năm 1982. Ông M6, ông T7, bà N9 trình bày: Cụ T56 và cụ H57 đã phân chia phần diện tích đất này cho 03 người con trai sử dụng từ năm 1983, việc phân chia đất này bằng miệng nên không có tài liệu chứng cứ gì. Thực tế ông M6 sử dụng 621m², ông T7 sử dụng 344m² và ông V8 quản lý sử dụng 389m² từ năm 1983. Ông M6, ông T7 và bà N9 đã xây dựng tường bao để phân chia ranh giới giữa các phần đất được giao quản lý sử dụng. Khi ông M6, ông T7, ông V8 tiến hành tôn tạo sửa chữa, xây dựng không có ai ý kiến hay khiếu nại gì. Qua kiểm tra tài liệu lưu giữ tại UBND xã TTO54 thấy: Năm 1994 khi đo đạc lập bản đồ địa chính ông M6, ông V8, ông T7 đã đứng lên kê khai chủ sử dụng của các thửa đất tương ứng với diện tích đất mà các ông đang sử dụng, quá trình đăng ký quyền sử dụng cũng không ai có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông M6, ông T7 cung cấp 03 biên bản họp gia đình cùng đề ngày 10/10/2005.

Xét 03 biên bản họp gia đình cùng đề ngày 10/10/2005 do ông M6, ông T7 cung cấp. Hội đồng xét xử nhận thấy: các bên đương sự đều xác nhận chữ ký trong biên bản đều do các đương sự ký, việc ký là tự nguyện, tuy một trong ba biên bản có đủ chữ ký của các con cụ T56 và cụ H57 và đều có nội dung: ông TVM6 được quyền sử dụng 621m² tờ bản đồ số 24, thửa số 31, diện tích 621m² (bản đồ đo năm 1994), có kích thước các cạnh như sau: cạnh đông giáp

nhà bà X60; cạnh Tây giáp đường liên thôn; cạnh Bắc giáp nhà bà N61; cạnh Nam giáp nhà ông H62. Ông TVV8 được quyền sử dụng 389m² từ bản đồ số 24, thửa số 33, diện tích 389m² (bản đồ đo năm 1994), có kích thước các cạnh như sau: cạnh Đông giáp nhà ông N63; cạnh Tây giáp nhà ông T7; cạnh Bắc giáp nhà Bà X60; cạnh Nam giáp nhà bà M64. Ông TVT7 được quyền sử dụng 344m² từ bản đồ số 24, thửa số 32, diện tích 344m² (bản đồ đo năm 1994), có kích thước các cạnh như sau: cạnh đông giáp nhà ông V8; cạnh Tây giáp nhà ông M6; cạnh Bắc giáp nhà bà X60; cạnh Nam giáp ngõ đi chung.

Ngoài ra trong 2 biên bản có ghi ý kiến giữ nguyên hiện trạng như lúc còn sống đã cho các con. Như vậy Biên bản họp gia đình ngày 10/10/2005 không phải là thỏa thuận mới mà chỉ là giấy tờ hợp thức hoá ý nguyện của cụ T56 và cụ H57 từ năm 1994 cho đến thời điểm ký văn bản 2005. Đến năm 2007 ông TVM6 đã được UBND huyện TT46 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đã được phân chia (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TT46 cấp ngày 15/06/2007 tại quyết định số 1376 cho ông TVM6 đối với thửa đất thửa đất số 31 từ bản đồ 24 diện tích 621m² và không ai khiếu nại gì.

Về việc bà A1 cho rằng bà N9 không đủ tư cách ký vào biên bản họp gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy: các đương sự đều xác nhận ông TVV8 từ nhỏ đã hạn chế về nhận thức không biết đọc, không biết viết, không nhận thức được, bà NTN9 là vợ đã ký thay vào biên bản. Từ năm 2005 đến nay ông TVV8 cũng như các đương sự không có ý kiến gì. Năm 2018 ông TVV8 bị Tòa án nhân dân huyện TT46 tuyên bố mất năng lực hành vi, năm 2020 bà NTN9 được cử làm người giám hộ theo pháp luật của ông V8. Ông T7, bà N9 giữ nguyên quan điểm nhất trí với nội dung biên bản họp gia đình đề ngày 10/10/2005. Sau khi lập và ký các biên bản họp gia đình không ai có ý kiến gì. Do vậy, biên bản họp gia đình lập ngày 10/10/2005 có đủ chữ ký của bà L10, bà A1, ông T7, ông M6 và bà N9 là hợp pháp và có giá trị pháp luật.

Ngày 25/05/2021, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản, tổng diện tích đất của gia đình ông M6, ông T7, ông V8 đang quản lý sử dụng là 1.306m², trong đó tổng diện tích ông M6 đang sử dụng và đã chuyển nhượng là 594.5m², tổng diện tích ông T7 và các con ông T7 đang sử dụng là 342.6m², diện tích ông V8 đang quản lý sử dụng là 370m². Theo lời khai của ông M6, ông T7 và bà N9 trong quá trình sử dụng đất đã cắt 1 phần đất của gia đình mình để nhập vào phần ngõ đi chung để mở rộng ngõ đi chung thuận tiện cho việc sử dụng đất của các hộ gia đình. Phần ngõ đi chung của các hộ gia đình được mở rộng từ trên 100m² lên 144.9m².

Đánh giá tổng hợp các chứng cứ đã thu thập xác minh và những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử có cơ sở để khẳng định: Di sản thừa kế của cụ TVT56 (S56) và cụ NTH57 đã được các cụ chia bằng miệng cho các con khi còn sống

và được các đồng thừa kế khẳng định lại tại biên bản họp gia đình lập ngày 10/10/2005 có đủ chữ ký của bà L10, bà A1, ông T7, ông M6 và bà N9. Nay bà A1, bà L10 xin rút lại chữ ký trong biên bản họp gia đình này và phủ nhận nội dung của biên bản họp gia đình là không có cơ sở. Do di sản của Cụ TVT56 (S56) và cụ NTH57 đã định đoạt hết và chuyển thành quyền sở hữu đất hợp pháp của các cá nhân nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TTA1 đối với yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật của Cụ TVT56 (S56) và cụ NTH57.

[2.4] Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TT46 cấp ngày 15/06/2007 tại quyết định số 1376 cho ông TVM6 đối với thửa đất thửa đất số 31 tờ bản đồ 24 diện tích 621m² và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp theo biến động chuyển nhượng mà ông M6 đã chuyển nhượng cho ông Đ41, ông T32, anh Đ35, tặng cho đất bà DKH31. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hệ bản đồ năm 1994: Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 24, diện tích 621m², mục đích sử dụng đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài đã được UBND huyện TT46 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông TVM6 tại Quyết định số 1376 ngày 15/6/2007. Thửa đất trên đã đăng ký biến động. Việc cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 24, diện tích 621m², loại đất ở tại xã TTO54, huyện TT46, Thành phố Hà Nội cho ông TVM6 đã được UBND huyện TT46 cấp GCNQSD đất theo hướng dẫn tại Quyết định số 23/2005/QĐ-UB ngày 18/02/2005 của UBND Thành phố Hà Nội. Việc UBND huyện TT46 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông TVM6 là hợp pháp do vậy ông M6 có quyền định đoạt đối với phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông M6. Vợ chồng ông M6 bà H31 đã chuyển nhượng diện tích 182m² của thửa đất trên cho ông NNĐ41 và bà TNL42; chuyển nhượng diện tích 90,5m² của thửa đất trên cho ông TXĐ35 và bà TTV36; chuyển nhượng diện tích 52,3m² của thửa đất trên cho ông NXT32 và ông M6 tặng cho bà DKH31 diện tích 40m² là quyền tự định đoạt của ông M6. Ông Đ41 và bà L42, ông Đ35 và bà V36, ông T32, bà H31 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất đã nhận chuyển nhượng và được tặng cho. Việc bà TTA1 yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông TVM6 tại Quyết định số 1376 ngày 15/6/2007 và các đăng ký biến động đã cấp cho ông NNĐ41 và bà TNL42, anh TXĐ35 và chị TTV36, ông NXT32 và bà DKH31 là không có cơ sở. Nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TTA1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TT46 cấp ngày 15/06/2007 tại quyết định số 1376 cho ông TVM6 đối với thửa đất thửa đất số 31 tờ bản đồ 24 diện tích 621m² và các đăng ký biến động.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, phía bị đơn đề nghị hỗ trợ bà TTA1 500.000.000đ, mặc dù bà A1 không rút yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện

nhưng chấp nhận đề nghị của phía bị đơn về số tiền hỗ trợ 500.000.000 đồng. Đây là sự thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện của các đương sự, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì vậy, HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT46, thành phố Hà Nội như hướng phân tích trên.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Bà TTA1 là người cao tuổi và thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí dân sự theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26, Điều 27, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 23, khoản 2 Điều 46, 47, khoản 3 Điều 53, 54, 57, 58, 59 Bộ luật dân sự 2015; Điều 631, 632, 633, 634, 635, 636, 645, 674, 675, 676 và Điều 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Thông tư số 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết các tranh chấp về thừa kế; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Nghị quyết 01/HĐTP ngày 10/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế 1990; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT46, thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TTA1 về chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật di sản của Cụ TVT56 (S56) và cụ NTH57 đối với ông TVM6, TVV8, TVT7.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TT46 cấp ngày 15/06/2007 tại quyết định số 1376 cho ông TVM6 đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ 24, diện tích 621m² và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp theo biến động chuyển nhượng mà ông M6 đã chuyển nhượng cho ông NNĐ41, ông NXT32, anh TXĐ35; tặng cho đất bà DKH31.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị đơn gồm: ông TVV8 (do bà NTN9 là người giám hộ), ông TVT7, ông TVM6 hỗ trợ cho cho bà TTA1 số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng chẵn), do ông M6 làm đại diện thanh toán.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự được miễn án phí theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện TT46;
- Chi cục THADS huyện TT46;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh